

PHỤ LỤC I

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 04/9/2026 của HĐND xã Côn Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi	Tổng số	Số phân bổ	Dư chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
	TỔNG SỐ	2.148,00	715,00	1.433,00	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030	2.143,00	710,00	1.433,00	Nguồn vốn năm 2026
-	Ngân sách trung ương	1.163,00	360,00	803,00	Chi tiết theo Phụ lục I
-	Ngân sách địa phương (Ngân sách tỉnh)	840,00	350,00	490,00	
-	Ngân sách địa phương (Ngân sách xã)	140,00	0,00	140,00	
2	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (NGUỒN VỐN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)	5,00	5,00	0,00	Nguồn vốn chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026
-	Ngân sách trung ương	4,50	4,50	0,00	Chi tiết theo Phụ lục I
-	Ngân sách địa phương (Ngân sách tỉnh)	0,50	0,50	0,00	

PHỤ LỤC II

BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 04/9/2026 của HĐND xã Côn Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:			Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp xã)	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
	Tổng cộng			715,00	364,50	350,50	0,00	
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT			715,00	364,50	350,50	0,00	
I	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường			80,00	80,00	0,00	0,00	
1	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP			80,00	80,00			(Mã CTMTQG: 14105 - 24105)
-	Phòng Kinh tế	Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm, xây dựng câu chuyện sản phẩm OCOP; hỗ trợ thuê chuyên gia thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm và in ấn bao bì, tem, nhãn sản phẩm OCOP		80,00	80,00			(832-281

STT	Đơn vị	Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:			Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp xã)	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
II	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn			350,00	0,00	350,00	0,00	
1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS&MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình			350,00		350,00		(Mã CTMTQG: 21111)
-	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện và chi phí phục vụ thu gom, vận chuyển chất thải, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (thùng chứa rác); Chi trả dịch vụ công ích môi trường, bao gồm: Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt; Tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng		350,00		350,00		Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện và chi phí phục vụ thu gom, vận chuyển chất thải, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (thùng chứa rác): 100tr; Chi trả dịch vụ công ích môi trường, bao gồm: Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt: 200tr; tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng: 50tr
III	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (10518, 20518)			250,00	250,00	0,00	0,00	

STT	Đơn vị	Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:			Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp xã)	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
1	<i>Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình</i>			30,00	30,00	0,00	0,00	(Mã CTMTQG: 11112)
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Triển khai hội nghị, sơ kết, tổng kết, các hội nghị liên quan đến công tác giám sát, phản biện xã hội		30,00	30,00			(820-361)
2	<i>Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”</i>			155,00	155,00	0,00	0,00	(Mã CTMTQG: 12112)
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội và hội viên, nông dân, nông dân SXKD, thành viên chi, tổ hội nông dân nghề nghiệp, THT, HTX nông nghiệp trong xã; Tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức về an toàn thực phẩm; Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, ý thức chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm cho cán bộ Hội và hội viên, nông dân		155,00	155,00			(820-361)

STT	Đơn vị	Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:			Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp xã)	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
3	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em			30,00	30,00	0,00	0,00	(Mã CTMTQG: 13112)
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền , nâng cao nhận thức về chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại cụm thôn		30,00	30,00			(820-361)
4	Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”			35,00	35,00	0,00	0,00	(Mã CTMTQG: 15112)
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ Đoàn và Đoàn viên thanh niên về khởi nghiệp, lập nghiệp phát triển kinh tế		35,00	35,00			(820-361)
IV	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (10521, 20521)			35,00	34,50	0,50	0,00	
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm			35,00	34,50	0,50	0,00	(Mã CTMTQG: 11114 - 21114)
-	Phòng Kinh tế	Tổ chức tập huấn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm		35,00	34,50	0,50		Bao gồm nguồn vốn thực hiện CTMTQG chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026 là 5 triệu đồng (832-341)